| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: **544**/2025/DS-PT
Ngày: 19/5/2025
V/v *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thu Thủy

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Mỹ Cúc

Bà Nguyễn Thị Bảo Thu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thùy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Nghĩa – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 266/2025/ DSPT ngày 03/03/2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1523/2024/DS-ST ngày 01/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1517/2025/QĐXXPT-DS ngày 25/3/2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số 5498/2025/QĐXXPT-DS ngày 23/04/2025giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc P** năm 1988
Địa chỉ: Tổ D, Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Mạnh H, sinh năm: 2000, địa chỉ liên lạc: Lầu F, B Đường Đ, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 003500, quyển số 05 TP/CC-SCC/HĐGD. (có mặt)

*Bị đơn:* 1. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1967
Địa chỉ (thường trú): 181/8 đường G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện đang thực tế cư trú: Kế bên trái (nhìn từ ngoài vào) nhà số G đường L - F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Đông T, sinh năm 1995, địa chỉ: P, số A đường Đ, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy

ủy quyền số công chứng 004300, quyển số 04/2024S.TP/CC-SCC/HĐGD (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H1 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

2. Ông Trần Hiếu N, sinh năm 1958

Địa chỉ: 3 Đường L, Phường A, Quận C, TP ..

Hiện đang thực tế cư trú: Kế bên trái (nhìn từ ngoài vào) nhà số G đường L - F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Duy A, sinh năm1978. Địa chỉ: P, số A Đường Đ, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy ủy quyền số công chứng 004301, quyển số 04/2024.TP/CC-SCC/HĐGD (có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, các bản khai và biên bản hòa giải, ông Hà Mạnh H, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Trần Thị Ngọc P1) trình bày:*

Ngày 21/02/ 2020, bà Trần Thị Ngọc P1 đã cho vợ chồng bà Lê Thị L mượn nóng số tiền 291.700 SGD (hai trăm, chín mươi mốt nghìn, bảy trăm đôla Singapore) tương đương 5.256.961.977 đồng (năm tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi bảy đồng) quy đổi theo tỷ giá mua vào SGP/VND ngày 22/02/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3. Tuy nhiên, cho đến nay vợ chồng bà L vẫn chưa trả cho bà Trần Thị Ngọc P1 số tiền trên nên đã phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu buộc vợ chồng bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N trả cho bà Trần Thị Ngọc P1 số tiền 291.700 SGD tương đương 5.256.961.977 đồng tính theo tỷ giá mua vào SGP/VND ngày 22/02/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tổng cộng là 8.101.554.512 đồng (tám tỷ, một trăm lẻ một triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm mười hai đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho đến khi trả xong các khoản nợ.

*Tại đơn phản tố đề ngày 23/4/ 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Đông T, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà Lê Thị L) trình bày:*

Căn cứ giấy mượn tiền để ngày 21/02/2020, thì giấy mượn tiền này vi phạm điều cầm của luật, không có việc vay mượn trên thực tế nên không có giá trị pháp lý, vô hiệu kể từ thời điểm ghi nhận, giao dịch. Vì vậy, đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu giấy mượn tiền ngày 21/02/ 2020 do vi phạm điều cầm của luật và không thật có trên thực tế.

*Tại bản tự khai đề ngày 11/7/ 2024 của ông Nguyễn Duy A, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Trần Hiếu N1) trình bày:*

Ông Trần Hiếu N, là anh ruột của cha bà Trần Thị Ngọc P1, bà P1 gọi ông Nghĩa L1 chú ruột (theo phong tục địa phương). Khi bà Trần Thị Ngọc P1 còn nhỏ, ông Trần Hiếu N là người trực tiếp cưu mang, chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà ông N, tạo điều kiện cho bà P1 ăn học như con gái ruột cho đến khi bà P1 trưởng thành, ông N chưa từng kể công. Đến khi trưởng thành chuyển đến nơi khác sinh sống và lập gia đình, bà P1 chưa một ngày chăm sóc, phụng dưỡng lại ông Trần Hiếu N. Bản thân ông N chưa từng và chưa bao giờ vay hoặc mượn bà Trần Thị Ngọc P1 bất kỳ khoản tiền nào. Vì vậy, khi ông N nhận Thông báo về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P1 từ Tòa án, ông vô cùng bất ngờ, ông N rất bức xúc và tức giận vì không có việc ông N vay hoặc mượn tiền của bà Trần Thị Ngọc P1 trên thực tế. Yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc P1 là hoàn toàn không có căn cứ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 1523/2024/DS-ST ngày 01/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P1 về việc buộc vợ, chồng bà Lê Thị L, ông Trần Hiếu N thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

1.1. Buộc vợ, chồng bà Lê Thị L, ông Trần Hiếu N trả cho bà Trần Thị Ngọc P1 tổng số tiền là 291.700 SGD (hai trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm Đô la Singapore), được quy đổi theo giá ngoại tệ mua bằng tiền mặt do Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 công bố ngày 25 tháng 10 năm 2024 là 5.474.185.133 (năm tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm ba mươi ba) đồng. Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (bà Trần Thị Ngọc P1) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà Lê Thị L, ông Trần Hiếu N) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị L về việc tuyên bố giao dịch vay tài sản là ngoại hối tổng số tiền là 291.700 SGD (hai trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm Đô la Singapore) ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa bà Trần Thị Ngọc P1 với bà Lê Thị L vô hiệu.

Tuyên bố giao dịch vay tài sản là ngoại hối theo giấy mượn tiền ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa bà Trần Thị Ngọc P1 với bà Lê Thị L về việc mượn (vay) tổng số tiền là 291.700 SGD (hai trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm Đô la Singapore) vô hiệu.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P1 về việc buộc vợ, chồng bà Lê Thị L, ông Trần Hiếu N trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tạm tính từ ngày vi phạm (ngày 21 tháng 8 năm 2022) cho đến ngày 22 tháng 02 năm 2024 là 2.844.592.535 (hai tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm chín

mươi hai nghìn năm trăm ba mươi lăm) đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong các khoản nợ.

4. Về án phí: bà Trần Thị Ngọc P1 phải nộp 300.000 đồng án phí DSST. Số tiền trên được trừ vào số tiền 58.050.777 đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà P1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0012170, ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Trần Thị Ngọc P1 còn được nhận lại số tiền là 57.750.777 (năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng.

Bà Lê Thị L phải nộp 56.737.093 (năm mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn không trăm chín mươi ba) đồng án phí DSST. Số tiền trên được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà Hoàng Đông T đã nộp thay bà Lê Thị L theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0011644, ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Lê Thị L còn phải nộp 56.437.093 đồng án pháp dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Hiếu N được miễn nộp 56.737.093 đồng án phí DSST.

Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thi hành bản án này theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

*Sau khi xét xử sơ thẩm,*

Ngày 13/11/2024, bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày*: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:* Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N, sửa án sơ thẩm.

*Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L trình bày*: đề nghị Hội đồng xem xét chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà L sửa án sơ thẩm vì: giao dịch dân sự giữa hai bên không có thực và vô hiệu nên phía bị đơn không có nghĩa vụ trả nợ cho bà P1. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm như việc xét xử tống đạt thông báo về Hội thẩm nhân dân có sự thay đổi; biên bản biên tòa thể hiện đã biết trước kết quả mà chưa có biên bản nghị án…, chưa xem xét chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là cơ sở để khởi kiện đòi tài sản có phải bản chính hay bản pho to; và sao kê giao dịch giữa các bên mà phía nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm là tiền gì có liên quan gì đến số tiền mà các bên đang tranh chấp (nếu có) hay

không?.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chủ tọa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

*Về nội dung:* Xét yêu cầu kháng cáo của bà bà Lê Thị L về việc không thiếu nợ bà Trần Thị Ngọc P1 nhưng không có chứng cứ gì mới; nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo bà Lê Thị L, buộc bà L có trách nhiệm trả nợ cho bà P1 số tiền 291.700 Đô la Singapore được quy đổi ra tiền Việt Nam là 5.474.185.133 (theo tỷ giá mua vào SGP/VND ngày 25/10/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3). Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hiếu N vì không có căn cứ cho rằng số nợ trên có liên quan đến ông N, do đó ông N không có trách nhiệm trả nợ cùng với bà L như yêu cầu của bà P1. Riêng các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị cần giữ nguyên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt: Ông Nguyễn Duy A là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hiếu N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Duy A.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, những người tham gia tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[4]. Về nội dung:

[4.1] Xét giao dịch dân sự giữa các đương sự và kháng cáo của bà Lê Thị L:

Căn cứ giấy mượn (vay) tiền ngày 21/02/2020, thể hiện nội dung bà Lê Thị L có nhận vay của bà Trần Thị Ngọc P1 vối số tiền là 291.700 SGD (hai trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm đô la Singapore) giấy này do bà Lê Thị L viết và cam kết trả. Bà L không phản đối Giấy mượn tiền này mà chỉ cho rằng đây là giao dịch dân sự vô hiệu nên không có giá trị.

Như vậy, có căn cứ xác định giữa bà Trần Thị Ngọc P1 và bà Lê Thị L có phát sinh giao dịch vay tài sản là có thật. Đến nay bà L không thực hiện

nghĩa vụ trả tiền nên bà P1 có đơn khởi kiện yêu cầu bà L phải trả nợ là có cơ sở để chấp nhận. Việc bà L cho rằng không viết giấy nợ cũng như không vay mượn tiền gì của bà P1 nhưng không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình và cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì khác tại cấp phúc thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà L và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L cho rằng giao dịch dân sự giữa đôi bên là không có thực và chữ ký chữ viết trên giấy nhận nợ lập ngày 21/02/2020 không phải do bà L viết hay Giấy nhận nợ ngày 21/02/2020 có phải bản chính hay không? Nhưng phía bị đơn không yêu cầu giám định gì mà cho rằng đây là nghĩa vụ do bên nguyên đơn phải chứng minh là không có căn cứ và không đúng qui định của pháp luật ; do vậy không có cơ sở để xác định giao dịch giữa hai bên là không có thực như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà L và Luật sư.

Tuy nhiên giao dịch dân sự giữa các bên đã vi phạm Điều 22 của Pháp lệnh về ngoại hối năm 2005 (đã sửa đổi bổ sung năm 2013), tại Điều 22 có quy định: "*trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng N4*." nên giao dịch vay mượn giữa bà Trần Thị Ngọc P1 và bà Lê Thị L không đảm bảo điều kiện được giao dịch ngoại hối theo quy định của pháp luật nên giao dịch vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật được quy định tại Điều 117 và Điều 123 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà L tuyên bố giao dịch giữa các bên vô hiệu là có căn cứ.

[4.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hiếu N (là chồng bà Lê Thị L) xét thấy: Theo giấy mượn (vay) tiền ngày 21/ 02/2020 do bà Lê Thị L viết và cam kết trả, không có gì chứng minh bà L vay vì mục đích cá nhân, do vậy đây là nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N; bà L vay để trang trải cho các nhu cầu thiết yếu, sản xuất, kinh doanh nhằm phát triển kinh tế của gia đình, nên cấp sơ thẩm đã buộc ông N có trách nhiệm cùng bà L phải trả cho bà P1 là có căn cứ; nên không có căn cứ để cần chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hiếu N, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông N phải cùng bà L trả nợ cho bà P1 là đúng qui định của pháp luật.

[4.3] Việc bà L cho rằng do giao dịch giữa đôi bên vô hiệu nên phía bị đơn không phải trả lại cho nguyên đơn số tiền là 291.700 SGD là không đúng với quy định của pháp luật vì: Căn cứ khoản 1 Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu " *Giao dịch dân sự vô hiệu không phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập*"; tại khoản 2 có quy định: " *Khi giao dịch dân sự vô hiệu các bên khôi phục tình trạng ban đầu hoàn trả cho nhau những gì đã nhận*…" do vậy vợ chồng bà Lê Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả

cho bà Trần Thị Ngọc P1 tổng số tiền là 291.700 SGD (hai trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm Đô la Singapore), được quy đổi theo giá ngoại tệ mua bằng tiền đồng Việt Nam do Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 công bố ngày 25/10/2024 số tiền là 5.474.185.133 đồng chứ không như bà L cho rằng giấy vay tiền này không có giá trị pháp lý và không có thật nên không đồng ý theo yêu cầu của bà P1 là không có căn cứ.

Về lỗi dẫn đến việc giao dịch dân sự giữa đôi bên bị vô hiệu: Hiện không có căn cứ nào cho thấy lỗi thuộc về bên bà P1 hay bà L; tuy nhiên trong trường hợp này phía bà L đã nhận tiền và sử dụng nên về thiệt hại bà P1 thiệt hại hơn tuy nhiên phía bà P1 không yêu cầu gì. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hà Mạnh H là người đại diện theo ủy quyền của bà P1 đã rút yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, xét việc rút yêu cầu này là tự nguyện và không trái luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu này là có căn cứ cần giữ nguyên.

Tại tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng như thay đổi hội thẩm, nội dung biên bản phiên tòa sơ thẩm không đúng qui định hay chưa làm rõ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp hay nguồn tiền cho vay… Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng qui định pháp luật theo Luật Tố tụng Dân sự không có chứng cứ cấp sơ thẩm vi phạm những điều mà luật sư đã trình bày nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của luật sư được.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng bà L ông H2 cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ kiện là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ được chấp nhận 1 phần như đã nhận định trên.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Hiếu N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P1 về việc buộc bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

2. Buộc bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ngọc P1 291.700 SGD (hai trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm Đô la Singapore), được quy đổi theo giá ngoại tệ mua bằng tiền mặt do Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 công bố ngày 25/10/2024 số tiền là 5.474.185.133 (năm tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm ba mươi ba) đồng. Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị L về việc tuyên bố giao dịch vay tài sản là ngoại hối tổng số tiền là 291.700 SGD (hai trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm Đô la Singapore) ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa bà Trần Thị Ngọc P1 với bà Lê Thị L vô hiệu.

Tuyên bố giao dịch vay tài sản là ngoại hối theo giấy mượn tiền ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa bà Trần Thị Ngọc P1 với bà Lê Thị L về việc mượn (vay) tổng số tiền là 291.700 SGD (hai trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm Đô la Singapore) vô hiệu.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P1 về việc buộc vợ, chồng bà Lê Thị L, ông Trần Hiếu N trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với số tiền là 2.844.592.535 (hai tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm ba mươi lăm) đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong các khoản nợ.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc P1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền 58.050.777 (năm mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà P1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0012170, ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Trần Thị Ngọc P1 còn được nhận lại số tiền là 57.750.777 (năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng.

Bà Lê Thị L phải nộp 56.737.093 (năm mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn không trăm chín mươi ba) đồng án phí DSST. Số tiền trên được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà Hoàng Đông T đã nộp thay bà Lê Thị L theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0011644, ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Lê Thị L còn phải nộp 56.437.093 đồng án pháp dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Hiếu N được miễn nộp 56.737.093 đồng án phí DSST.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048906

ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

Ông Trần Hiếu N được miễn án phí DSPT

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Bình Tân;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thu Thủy**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thanh Tú Lê Ngọc N2** **Lê Thu T1**